

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ TRẦN CẨM GIANG**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THỊ TRẦN CẨM GIANG  
Tính đến ngày 30/12/2022**

| STT |    | Nội dung                                                                                                     | THÔNG TIN THEO ĐỐI VÊ TTHC              |                                         |                                  |                                  |               |               |                                                            |         |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------|---------------|------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                              | Dịch vụ công 3 theo QĐ công bố của tỉnh | Dịch vụ công 4 theo QĐ công bố của tỉnh | Dịch vụ 3 trên cổng dịch vụ công | Dịch vụ 4 trên cổng dịch vụ công | TT liên thông | TT dùng chung | Quyết định công bố                                         | Ghi chú |
| STT | TT | Nội dung                                                                                                     |                                         |                                         |                                  |                                  |               |               |                                                            |         |
|     |    | <b>NỘI VỤ</b>                                                                                                |                                         |                                         |                                  |                                  |               |               |                                                            |         |
|     |    | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO</b>                                                                 |                                         |                                         |                                  |                                  |               |               |                                                            |         |
| 1   | 1  | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                         | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               | QĐ số 3240/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh Hải Dương |         |
| 2   | 2  | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                 | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 3   | 3  | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                 | x                                       |                                         | x                                |                                  |               |               |                                                            |         |
| 4   | 4  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã         | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 5   | 5  | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 6   | 6  | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 7   | 7  | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                          | x                                       |                                         | x                                |                                  |               |               |                                                            |         |
| 8   | 8  | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                           | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 9   | 9  | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                     | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
| 10  | 10 | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng,                               | x                                       |                                         |                                  | x                                |               |               |                                                            |         |
|     |    | <b>LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG</b>                                                                          |                                         |                                         |                                  |                                  |               |               |                                                            |         |



|    |          |                                                                                               |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | 1        | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính                   |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 12 | 2        | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyển đề |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 13 | 3        | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất                        |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 14 | 4        | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình                                  |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 15 | 5        | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                     |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>                                                                    |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
| 16 | 1        | Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                 | x |   | x |   |  |  |  | QĐ số<br>2361/QĐ-<br>UBND ngày<br>19/8/2021<br>của UBND<br>tỉnh Hải<br>Dương |
| 17 | 2        | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                      | x |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
| 18 | 3        | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                            | x |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
| 19 | 4        | Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                            | x |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
| 20 | 5        | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | x |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>LĨNH VỰC VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>                                                 |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>1. Lĩnh vực văn hoá</b>                                                                    |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
| 21 | 1        | Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hoá hàng năm.                                         |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 22 | 2        | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hoá                                                   |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
| 23 | 3        | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                       |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>2. Lĩnh vực thư viện</b>                                                                   |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
| 24 | 4        | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                               |   |   | x |   |  |  |  | QĐ số<br>148/QĐ-<br>UBND ngày<br>13/01/2022<br>của UBND<br>tỉnh Hải<br>Dương |
| 25 | 5        | đồng                                                                                          |   |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
| 26 | 6        | Thủ tục thông báo chấm dứt hợp đồng thư viện cộng đồng                                        |   |   | x |   |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>4. Lĩnh vực thể thao</b>                                                                   |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
| 27 | 7        | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                   |   | x |   | x |  |  |  |                                                                              |
|    |          | <b>TƯ PHÁP - HỘ TỊCH</b>                                                                      |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
|    | <b>A</b> | <b>DANH MỤC TTHC CẤP XÃ (</b>                                                                 |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
|    | <b>1</b> | <b>Lĩnh vực hộ tịch</b>                                                                       |   |   |   |   |  |  |  |                                                                              |
| 28 | 1        | Thủ tục đăng ký khai sinh                                                                     | x |   |   | x |  |  |  |                                                                              |



|    |     |                                                                                                          |   |   |   |   |  |  |  |                                                                               |  |
|----|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------|--|
| 29 | 2   | Thủ tục đăng ký kết hôn                                                                                  |   | x |   | x |  |  |  | QĐ số<br>3402/QĐ-<br>UBND ngày<br>16/12/2022<br>của UBND<br>tỉnh Hải<br>Dương |  |
| 30 | 3   | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                        |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 31 | 4   | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con                                                      |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 32 | 5   | Thủ tục đăng ký khai tử                                                                                  | x |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 33 | 6   | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động                                                                       |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 34 | 7   | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động                                                                         |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 35 | 8   | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động                                                                         |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 36 | 9   | Thủ tục đăng ký giám hộ                                                                                  |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 37 | 10  | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ                                                                         |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 38 | 11  | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch                                                             |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 39 | 12  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                            | x |   | x |   |  |  |  | QĐ số<br>3207/QĐ-<br>UBND ngày<br>03/11/2021<br>của UBND<br>tỉnh Hải<br>Dương |  |
| 40 | 13  | Thủ tục đăng ký lại khai sinh                                                                            | x |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 41 | 14  | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                         | x |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 42 | 15  | Thủ tục đăng ký lại kết hôn                                                                              |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 43 | 16  | Thủ tục đăng ký lại khai tử                                                                              | x |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 44 | 17  | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                    | x |   |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 45 | 18  | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch                                                                       | x |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
|    | II  | <b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>                                                                      |   |   |   |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 46 | 19  | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại |   |   | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
|    | III | <b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</b>                                                                         |   |   |   |   |  |  |  | QĐ số<br>3207/QĐ-<br>UBND ngày<br>03/11/2021<br>của UBND<br>tỉnh Hải<br>Dương |  |
| 47 | 20  | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                           | x |   |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 48 | 21  | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                             |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 49 | 22  | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                                  |   | x | x |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 50 | 23  | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                          |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
|    | IV  | <b>Lĩnh vực Phổ biến Giáo dục pháp luật</b>                                                              |   |   |   |   |  |  |  |                                                                               |  |
| 51 | 24  | Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật                                                            |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |
| 52 | 25  | Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật                                                         |   | x |   | x |  |  |  |                                                                               |  |

|    |           |                                                                                                                                                           |   |  |   |   |   |  |  |      |
|----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---|---|--|--|------|
|    | <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>                                                                                                                             |   |  |   |   |   |  |  |      |
| 53 | 26        | Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                  |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 54 | 27        | Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                         | x |  | x |   |   |  |  |      |
|    | <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực Chứng thực</b>                                                                                                                                |   |  |   |   |   |  |  |      |
| 55 | 28        | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                             |   |  | x |   | x |  |  |      |
| 56 | 29        | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 57 | 30        | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký). |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 58 | 31        | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở                                                      |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 59 | 32        | Thủ tục chứng thực di chúc                                                                                                                                |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 60 | 33        | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                            |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 61 | 34        | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                    |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 62 | 35        | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                               |   |  |   | x |   |  |  |      |
| 63 | 36        | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                      |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 64 | 37        | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                         |   |  | x |   |   |  |  |      |
| 65 | 38        | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                     |   |  |   | x |   |  |  |      |
|    | <b>B</b>  | <b>DANH MỤC THHC LIÊN THÔNG</b>                                                                                                                           |   |  |   |   |   |  |  |      |
| 66 | 1         | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                      |   |  |   |   | x |  |  | MD 2 |
| 67 | 2         | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                                          |   |  |   |   | x |  |  | MD 2 |
| 68 | 3         | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú                                                                                  |   |  |   |   | x |  |  | MD 2 |
| 69 | 4         | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)                                       |   |  |   |   | x |  |  | MD 2 |
| 70 | 5         | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)                                                               |   |  |   |   | x |  |  | MD 2 |

QĐ số  
3207/QĐ-  
UBND ngày  
03/11/2021  
của UBND  
tỉnh Hải  
Dương

QĐ số  
3207/QĐ-  
UBND ngày  
03/11/2021  
của UBND  
tỉnh Hải  
Dương

|    |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |   |  |                                                            |      |
|----|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---|--|------------------------------------------------------------|------|
| 71 | 6  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 72 | 7  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 73 | 8  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)                                                                                                                                                                                                                 |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 74 | 9  | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 75 | 10 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 |  |  |  |  | x |  | QĐ số 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh Hải Dương | MD 2 |
| 76 | 11 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007                         |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 77 | 12 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh                                                                                                                                                  |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 78 | 13 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh                                                                                                                                                                          |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |
| 79 | 14 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc            |  |  |  |  | x |  |                                                            | MD 2 |

|    |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |  |  |   |   |  |      |
|----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---|---|--|------|
| 80 | 15 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc |  |  |  |  | X |   |  | MD 2 |
| 81 | 16 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế                |  |  |  |  | X |   |  | MD 2 |
| 82 | 17 | Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế                                        |  |  |  |  | X |   |  | MD 2 |
|    | C  | <b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (09 TT dùng chung tỉnh, huyện, xã)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |   |   |  |      |
| 83 | 1  | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với                                                                                                       |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 84 | 2  | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 85 | 3  | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận                                                                                                                                                                                          |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 86 | 4  | Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu                                                                                                                                                                                                                                          |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 87 | 5  | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 88 | 6  | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 89 | 7  | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 90 | 8  | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |  |   | X |  |      |
| 91 | 9  | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |  |   | X |  |      |

QĐ 2035  
ngày  
25/7/2022  
của UBND  
tỉnh

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                          |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
|-----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|---|---|---------|--|
|     |   | <b>THANH TRA</b>                                                                                                                                                                                                                         |   |   | x |   |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo</b>                                                                                                                                                                                                        |   | x |   |   |  |   |   |         |  |
| 92  | 1 | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã                                                                                                                                                                                          |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 93  | 2 | Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã                                                                                                                                                                                                     |   | x |   | x |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực tiếp công dân</b>                                                                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 94  | 3 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã                                                                                                                                                                                                         |   | x |   | x |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>                                                                                                                                                                                             |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 95  | 4 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã                                                                                                                                                                                                             | x |   |   | x |  | x |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực phòng chống tham nhũng</b>                                                                                                                                                                                                   | x |   |   | x |  |   | x |         |  |
| 96  | 5 | thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                        | x |   |   | x |  |   | x |         |  |
| 97  | 6 | thủ tục xác minh tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                       | x |   |   | x |  |   | x |         |  |
| 98  | 7 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình                                                                                                                                                                                                     |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 99  | 8 | Thủ tục thực hiện việc giải trình                                                                                                                                                                                                        |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI - MÔI TRƯỜNG</b>                                                                                                                                                                                                   |   | x |   | x |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                  |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 100 | 1 | Hòa giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                                                                                              |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
| 101 | 2 | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu                                                                                                                                                                                                        |   |   |   |   |  |   |   | QĐ 117  |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực môi trường</b>                                                                                                                                                                                                               |   |   |   |   |  |   |   | QĐ 1520 |  |
| 102 | 3 | Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH &amp; XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                                                 |   | x |   | x |  |   |   | QĐ 677  |  |
|     |   | <b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                                                           |   | x |   | x |  |   |   |         |  |
| 103 | 1 | Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                         | x |   |   | x |  |   |   |         |  |
| 104 | 2 | Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                                                            |   |   |   | x |  |   |   |         |  |
| 105 | 3 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh                                                                                                                                                           |   |   |   | x |  |   |   |         |  |
| 106 | 4 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                                                                                                             |   |   |   | x |  |   |   |         |  |
| 107 | 5 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                                                                                                                                                     |   |   |   | x |  |   |   |         |  |
| 108 | 6 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                                                  | x |   |   | x |  |   |   |         |  |
|     |   | <b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>                                                                                                                                                                                                           |   |   |   |   |  |   |   | QĐ 2182 |  |
| 109 | 7 | Thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |   |   |   | x |  |   | x |         |  |

|     |    |                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|--|--|---|--|--|
| 110 | 8  | Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh             |   | c |  |   |  |  | x |  |  |
| 111 | 9  | Thủ tục Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng                                                                                  |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 112 | 10 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                       |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 113 | 11 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                                                                                   |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 114 | 12 | Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                                    |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 115 | 13 | Thủ tục Xác nhận hộ gia đình lâm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 116 | 14 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                 |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 117 | 15 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em.                                            |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 118 | 16 | Hỗ trợ học văn hoá, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                                                                                                                                   |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 119 | 17 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện                                                                                                                                        |   | x |  | x |  |  |   |  |  |
|     |    | <b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>                                                                                                                                                                         | x | x |  | x |  |  |   |  |  |
| 120 | 18 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công                                                                                                                                                         |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 121 | 19 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ                                                                                                                                                    |   | x |  |   |  |  | x |  |  |
| 122 | 20 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước " Bà mẹ Việt Nam anh hùng"                                                                                 |   | x |  |   |  |  | x |  |  |
| 123 | 21 | Giải quyết chế độ ưu đãi thờ cúng liệt sĩ                                                                                                                                                             |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 124 | 22 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an                                        |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 125 | 23 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an                                                                                                                     |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 126 | 24 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý                                                                                                                |   |   |  |   |  |  |   |  |  |
| 127 | 25 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ                                                         |   |   |  |   |  |  |   |  |  |

QĐ số  
1676/QĐ-  
UBND ngày  
15/6/2022

|     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|--|--|---|--|--|--|
| 128 | 26 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 129 | 27 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 130 | 28 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày                                                                                                                                                                                                                   |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 131 | 29 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế                                                                                                                                                                                                                                          |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 132 | 30 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 133 | 31 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (đối với hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý)                                                                                                                                                                |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 134 | 32 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 135 | 33 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 136 | 34 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ                                                                                                                                                                                      |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 137 | 35 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp                                                                                                                                                                              |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 138 | 36 | Thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 139 | 37 | Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam - pu - chia                                                                                                                                                                                                                                     |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 140 | 38 | Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sỹ lấy chồng hoặc vợ                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 141 | 39 | Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 142 | 40 | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | x |  |   |  |  | x |  |  |  |
| 143 | 41 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 144 | 42 | kháng chiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | x |  | x |  |  |   |  |  |  |

|     |     |                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
|-----|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|---|--|--|------|
|     |     | <b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                                                    |   |   | x |   |  |   |  |  |      |
| 145 | 43  | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình                                                                                                                                                                                  |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 146 | 44  | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                                                                                                          |   |   | x |   |  | x |  |  |      |
|     |     | <b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>                                                                                                                                                                                                                     |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 147 | 45  | Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19                                                                                                                                                                                       |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
|     |     | <b>LĨNH VỰC TRẺ EM</b>                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 148 | 46  | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                                                                                                                      |   |   |   |   |  |   |  |  | MD 2 |
| 149 | 47  | Chăm dứt việc chăm sóc, thay thế cho trẻ em                                                                                                                                                                                                  |   |   |   |   |  |   |  |  | MD 2 |
| 150 | 48  | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt                                                                                                   |   |   |   |   |  |   |  |  | MD 2 |
| 151 | 49  | Đăng ký nhận chăm sóc, thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em                                                                                              |   |   |   |   |  |   |  |  | MD 2 |
| 152 | 50  | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em                                                                                                   |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 153 | 51  | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                                                                                                             |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
|     |     | <b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ( 09 thủ tục)</b>                                                                                                                                                                                     |   | x |   | x |  |   |  |  |      |
|     | I   | <b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>                                                                                                                                                                                                                   |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 154 | 1   | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa                                                                                                                                                                                               | x |   | x |   |  |   |  |  |      |
|     | II  | <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                     | x |   | x |   |  |   |  |  |      |
| 155 | 2   | Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã | x |   | x |   |  |   |  |  |      |
| 156 | 3   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                    |   |   |   |   |  |   |  |  |      |
| 157 | 4   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.                                                                                                                                             |   |   | x |   |  |   |  |  |      |
|     | III | <b>Lĩnh vực Phòng chống thiên tai</b>                                                                                                                                                                                                        |   |   | x |   |  |   |  |  |      |
| 158 | 5   | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                                                                                  |   |   | x |   |  |   |  |  |      |

QĐ số  
3484/QĐ-  
UBND ngày  
25/11/2021  
của UBND  
tỉnh

QĐ số  
3273/QĐ-  
UBND ngày  
11/11/2021  
của UBND  
tỉnh

|     |     |                                                                                                                                                                                                                     |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
|-----|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|--|--------------------------------------------------|------|
| 159 | 6   | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 160 | 7   | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 161 | 8   | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội                                                           |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 162 | 9   | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội | x |   |   | x |  |  |                                                  |      |
|     |     | <b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ</b>                                                                                                                                                         |   | x |   | x |  |  |                                                  |      |
| 163 | 1   | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                                                                           |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 164 | 2   | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                                                                                                                                                             |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
|     | 1   | <b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ( 05 thủ tục)</b>                                                                                                                                                                             |   |   | x |   |  |  |                                                  |      |
|     | 1   | <b>Lĩnh vực phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                         |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 165 | 1   | Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                                                                                                                      |   |   | x |   |  |  | QĐ số 3114/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh | MD 2 |
|     | II  | <b>Lĩnh vực bảo hiểm</b>                                                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |  |                                                  | MD 2 |
| 166 | 2   | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp                                                                                                                                                            |   |   |   |   |  |  |                                                  | MD 2 |
|     | III | <b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>                                                                                                                                                                                    |   |   |   |   |  |  |                                                  | MD 2 |
| 167 | 3   | Quyết định điều chuyển tài sản công                                                                                                                                                                                 |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 168 | 4   | Quyết định thanh lý tài sản công                                                                                                                                                                                    |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 169 | 5   | Quyết định tiêu hủy tài sản công                                                                                                                                                                                    |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
|     |     | <b>LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ( 05 thủ tục)</b>                                                                                                                                                                       |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 170 | 1   | Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư                                                                                                                                                    | x |   |   |   |  |  | QĐ số 3242/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh |      |
| 171 | 2   | Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư                                                                                                                                                         | x |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 172 | 3   | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác                                                                                                                                                                         | x |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 173 | 4   | Thông báo thay đổi tổ hợp tác                                                                                                                                                                                       |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 174 | 5   | Thông báo thành lập tổ hợp tác                                                                                                                                                                                      |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
|     |     | <b>GIAO THÔNG VẬN TẢI ( 11 thủ tục)</b>                                                                                                                                                                             |   |   | x |   |  |  |                                                  |      |
| 175 |     | <b>Lĩnh vực đường bộ ( gồm 2 thủ tục)</b>                                                                                                                                                                           |   |   | x |   |  |  |                                                  |      |
| 176 | 1   | Cấp giấy phép tạm thời phần hệ phổ để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới                                                                                                                        |   |   |   |   |  |  |                                                  |      |
| 177 | 2   | Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hệ phổ để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới                                                                                                            | x |   | x |   |  |  |                                                  |      |

|     |   |                                                                                                                                                             |   |  |   |  |  |  |  |  |         |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|--|--|--|--|--|---------|
|     |   | <b>Lĩnh vực đường thủy nội địa (gồm 9 thủ tục)</b>                                                                                                          |   |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 178 | 1 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy                                                                              |   |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 179 | 2 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy                                                                              | x |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 180 | 3 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ                                                                             | x |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 181 | 4 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                   | x |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 182 | 5 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                       |   |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 183 | 6 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                     | x |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 184 | 7 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp |   |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 185 | 8 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                 |   |  |   |  |  |  |  |  |         |
| 186 | 9 | Xóa đăng ký phương tiện                                                                                                                                     |   |  |   |  |  |  |  |  |         |
|     |   | <b>LĨNH VỰC Y TẾ (02 thủ tục)</b>                                                                                                                           |   |  | x |  |  |  |  |  |         |
| 187 | 1 | Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                                           |   |  |   |  |  |  |  |  | QĐ 3103 |
| 188 | 2 | Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.          |   |  |   |  |  |  |  |  | QĐ 2811 |
|     |   | <b>TỔNG</b>                                                                                                                                                 |   |  |   |  |  |  |  |  |         |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Lý

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

QUYỀN CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Trắc